TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 76/2023/DS-GĐT
Ngày 24 tháng 11 năm 2023
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử dụng đất khu Háng Quang do bị mua bán, lấn chiếm trái pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thẩm phán cao cấp;

Các thành viên: Ông Chu Thành Quang - Thẩm phán cao cấp;

Ông Vũ Minh Tuấn - Thẩm phán cao cấp.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thảo Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Tú Anh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự: "Tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử dụng đất khu Háng Quang do bị mua bán, lấn chiếm trái pháp luật" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bế Kim T (tức P), sinh năm 1947; địa chỉ: Số nhà 72, khu 7, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

2. Đồng bị đơn:

2.1. Ông Lê Bá L, sinh năm 1962;

2.2. Ông Dương Trọng L1, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

2.3. Ông Hoàng Quang H; địa chỉ: Số nhà 081, tổ 11, phường S, thành phố Cao Bằng.

2.4. Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1974;

2.5. Ông Lê Bá Q, sinh năm 1962;

2.6. Ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1972;

2.7. Bà Đặng Thị C, sinh năm 1935;

2.8. Ông Trịnh Xuân Đ, sinh năm 1937;

2.9. Bà Hà Thị V, sinh năm 1988;

2.10. Nhân dân xóm Khau Gạm, đại diện xóm là ông Ma Kiên H - Bí thư kiêm trưởng xóm;

Cùng địa chỉ: Khau Gạm, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

2.11. Ông Triệu Văn Q, sinh năm 1975; địa chỉ: Phố D, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

2.12. Bà Lê Thị S, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 1 B, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Bế Văn Đ, sinh năm 1973;

3.2. Ông Bế Văn B, sinh năm 1976;

Đều có địa chỉ tại: Xóm M, xã Đ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.3. Bà Bế Thị M, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.4. Bà Bế Thị M, sinh năm 1971; địa chỉ: B, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Ông Đ, ông B, bà M, bà M đều đã chết.

3.5. Ông Lê Văn B;

3.6. Ông Trần Văn L;

3.7. Ông Nguyễn Mạnh T;

3.8. Anh Bùi Tuấn C, sinh năm 2001 (con bà D);

3.9. Bà Trần Thị N, sinh năm 1962 (vợ ông Lê Bá Q);

Đều có địa chỉ tại: Khau Gạm, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.10. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977 (vợ ông Triệu Văn Q); địa chỉ: Phố D, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.11. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1972 (vợ ông Hoàng Văn H);

3.12. Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1975 (con ông Trịnh Xuân Đ);

3.13. Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1966 (con ông Trịnh Xuân Đ);

3.14. Ông Đặng Nông T (con bà Đặng Thị C);

3.15. Ông Đặng Nông Đ (con bà Đặng Thị C);

3.16. Ông Đặng Nông Th (con bà Đặng Thị C);

Đều có địa chỉ tại: Khau Gạm, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.17. Ông Dương Trọng L1, sinh năm 1959;

3.18. Bà Bế Thị B, sinh năm 1964 (vợ ông Lê);

3.19. Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1966 (vợ ông Lê Bá L);

Đều có địa chỉ tại: Xóm B, xã Đ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.20. Bà Triệu Thị Kh, sinh năm 1926 (vợ ông Bế Văn C);

3.21. Ông Triệu Văn A, sinh năm 1960 (con ông Bế Văn C);

3.22. Ông Triệu Văn N, sinh năm 1967 (con ông Bế Văn C);

Đều có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã Ph, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

3.23. Ông Triệu Văn T, sinh năm 1962 (con ông Bế Văn C); địa chỉ: Tổ 9, phường A, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3.24. Ông Bế Văn K, sinh năm 1959 (con ông Bế Văn Th);

3.25. Ông Bế Văn H, sinh năm 1960 (con ông Bế Văn Th);

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

3.26. Bà Đinh Thị T, sinh năm 1960 (vợ ông Bế Văn V);

3.27. Ông Bế Văn T, sinh năm 1983 (con ông Bế Văn V);

3.28. Bà Bế Thị T, sinh năm 1986 (con ông Bế Văn V);

Đều có địa chỉ: Tổ 52 khu H, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

3.29. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1947 (con bà Bế Thị L); địa chỉ: Phố A thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.30. Ông Lâm Văn Ng (con bà Nguyễn Thị B); địa chỉ: Xóm M, xã Đ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.31. Ông Nguyễn Mạnh H (con ông Nguyễn Minh S); địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.32. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956 (con bà Bế Thị L); địa chỉ: Số nhà 56, phố G, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.33. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1961 (con bà Bế Thị L); địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.34. Bà Triệu Thị Ph, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm M, xã Đ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.35. Ông Triệu Quốc V, sinh năm 1982 (con ông Triệu Quốc Th);

3.36. Bà Nông Thị Ư, sinh năm 1960 (vợ ông Triệu Quốc Th);

Đều có địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.37. Ông Triệu Quốc Th, sinh năm 1959 (con bà Bế Thị Nh);

3.38. Ông Triệu Thế V, sinh năm 1966 (con bà Bế Thị Nh);

3.39. Ông Triệu Văn N, sinh năm 1998 (con ông Triệu Văn Ú);

3.40. Bà Lương Thị N, sinh năm 1970 (vợ ông Triệu Văn Ú);

3.41. Ông Triệu Văn Ch, sinh năm 1970 (con bà Bế Thị Nh);

Đều có địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.42. Bà Triệu Thị B, sinh năm 1963 (con bà Bế Thị Nh); địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.43. Bà Đàm Thị D, sinh năm 1959 (con bà Bế Thị Nh);

3.44. Bà Đàm Thị L, sinh năm 1973 (con bà Bế Thị Nh);

Đều có địa chỉ: Xóm M, xã Đ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.45. Bà Đàm Thị H, sinh năm 1964 (con bà Bế Thị Nh); địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.46. Bà Đàm Thị Th, sinh năm 1968 (con bà Bế Thị Nh); địa chỉ: Tổ 3, phường D, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

3.47. Bà Đàm Thị Th, sinh năm 1978 (con bà Bế Thị Nh); địa chỉ: Trường THCS xã Thượng Hà, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

3.48. Bà Bế Thị V, sinh năm 1933; địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.49. Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Xóm B, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.50. Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1960; địa chỉ: Khau Gạm, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

3.51. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1967 (vợ ông Hoàng Văn H); địa chỉ: Số nhà 081, tổ 11 phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

3.52. Ủy ban nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; địa chỉ: Thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; người đại diện theo ủy quyền là ông Lý Minh Sơn (Văn bản ủy quyền số 953 ngày 21/7/2021).

3.53. Ủy ban nhân dân xã Đức Long, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; người đại diện hợp pháp là ông Bế Xuân Khu - Chủ tịch UBND.

3.54. Ủy ban nhân dân thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; người đại diện hợp pháp là ông Nông Vĩnh Tường.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Bế Kim T (tức P) trình bày:

Cố Bế B (chết năm 1966) và cố Nông Thị K (chết năm 1976) có 08 người con là cụ Bế Văn C (chết 1995), cụ Bế Văn M (chết 1948), cụ Bế Văn Th (chết 1975), cụ Bế Văn V (chết 1995), cụ Bế Thị L (chết 1984), cụ Bế Thị Nh (chết 2018), cụ Bế Thị Nh (chết 2009), và cụ Bế Thị V.

Cụ C có vợ cả là cụ Nguyễn Thị R (chết 1946), có con trai là ông Bế Xuân A (chết 2019). Cụ M có vợ là cụ Hà Thị Đ (chết 2004), có con trai là ông Bế Kim T.

Các thửa đất 350, 350a, 351 hiện đang tranh chấp thuộc tờ bản đồ 76, khu Háng Quang, không có diện tích, theo sổ điền bạ năm 1958 gồm 08 đám, 208 bó mạ có nguồn gốc là di sản thừa kế của cố B và cố K để lại có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Kỳ (nay là đất ông Trịnh Xuân Đ); phía Tây giáp khu mộ họ Bế Nà Cóc; phía Tây Nam giáp đất ông G(nay là đất bà Ng); phía Nam giáp đất ông Xạ N (nay là đất ông Lê Bá Q); phía Bắc giáp Quốc lộ 203 (nay là đường Hồ Chí Minh). Đặc điểm khu đất là một dải liền kề chạy tiếp giáp đường Hồ Chí Minh, dài trên 90m, không có con đường vào xóm, không có đất khác xen vào, có 08 đám ruộng bậc thang xếp thành hình lòng chảo, 04 phía bậc thang cao thấp, điểm đầu là thị xã Cao Bằng, điểm cuối là huyện lỵ Hà Quảng.

Quá trình sử dụng đất: Thời kỳ trước và sau năm 1946 đến năm 1958, gia đình cố B, cố K sống chung một hộ, cùng con cháu cấy lúa và trồng hoa màu. Năm 1958 thành lập Hợp tác xã (viết tắt là HTX), cố B tự kê khai lấy toàn bộ đất đai vào HTX kê khai cả 08 đám ruộng khu đất Háng Quang. Năm 1958-1964, xã viên HTX Minh Khai sản xuất cấy lúa một vụ. Năm 1965, trường liên cấp 2-3 trưng dụng sử dụng làm nhà văn phòng (khu số 1 - đám ruộng 05, 06), làm đường vào khu ký túc xá (khu số 2 - đám ruộng 01), làm sân vận động, sân bóng đá (khu số 3 - đám ruộng 01, 02, 03, 04), làm khu vườn ươm (khu số 4 - đám ruộng 07, 08). Đến năm 1985 nhà trường di dời về địa điểm khác thì khu đất Háng Quang bỏ trống. Năm 1986, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh Cao Bằng ra Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 23/12/1986 giao đất cho Ban quản lý Xí nghiệp vật liệu xây dựng Hòa An tổng diện tích 9,2ha trong đó có 0,33ha khu đất Háng Quang sản xuất kinh doanh. Năm 1990, UBND tỉnh ra Quyết định số 70/QĐ-UB ngày 20/02/1990 về việc thành lập Xí nghiệp vật liệu xây dựng (viết tắt là XNVLXD) Hòa An. Năm 1991, Xí nghiệp chi trả tiền đền bù công khai phá cho các hộ dân thuộc Xí nghiệp trong đó có Hộ ông Bế Xuân A với số tiền 1.500.000đ, UBND xã Đức Long tạo dựng sổ điền bạ cho ông Xuân A.

Năm 1993, XNVLXD Hòa An giải thể theo Quyết định số 463/QĐ-UB ngày 24/5/1993, cùng ngày, UBND xã Đức Long lập văn bản (không số) giao lại đám ruộng đất Háng Quang cho ông Lê Bá L do nhận chuyển nhượng từ ông Bế Xuân A. Đây là hành vi cố ý làm trái pháp luật của UBND xã Đức Long vì thẩm quyền giao đất tại thời điểm đó thuộc UBND cấp huyện.

Từ ngày 02/10/1993-1996, khu đất số 03 gồm 04 đám ruộng 01, 02, 03, 04 ông Lương quản lý cho đến nay. Năm 1998, ông L phân lô, chia thửa bán cho các hộ ông L1, bà G, ông R, ông L, ông T, ông B, ông Q làm đất ở. Tại thời điểm chuyển nhượng đất, ông L chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt là GCNQSD) đất.

Việc ông Xuân A chuyển nhượng khu đất số 03 gồm 04 đám ruộng 01, 02, 03, 04 thuộc thửa đất số 350, diện tích 4.646m^2 cho ông L khi gia đình nguyên đơn không có mặt ở địa phương là hành vi trái pháp luật. Do đó, ông L và những người

bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ diện tích khu ruộng Háng Quang theo sổ điền bạ gốc mà UBND xã Đức Long còn lưu giữ được là 08 đám đã biến động thành 04 khu để gia đình nguyên đơn được quản lý, sử dụng. Cụ thể:

- Yêu cầu UBND huyện Hòa An thu hồi GCNQSD đất thửa đất số 351, diện tích 416m^2 (là khu đất số 01 - đám ruộng 05, 06) cấp cho Hộ bà Đặng Thị C.

- Yêu cầu UBND huyện Hòa An thu hồi GCNQSD đất thửa đất số 350a, diện tích 400m^2 (là khu đất số 04 - đám ruộng 07, 08) cấp cho Hộ ông Trịnh Xuân Đ.

- Buộc 09 hộ dân gồm các Hộ ông L, ông H, ông Q, ông Qu, ông H, ông L và các hộ bà S, bà G, bà D là những hộ đang trực tiếp sử dụng thửa đất số 350, diện tích 4.646m^2 (là khu đất số 03 - đám ruộng 01, 02, 03, 04) tự tháo dỡ công trình xây dựng trên đất để trả lại cho nguyên đơn.

- Yêu cầu lấy lại con đường dân sinh diện tích 300m^2 thuộc khu đất số 02 đối với nhân dân xóm Khau Gạm.

- Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa An buộc ông L, bà C, ông Đ trả lại số tiền đã nhận đền bù Quốc lộ 203 (đường Hồ Chí Minh) năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với Hộ ông Trịnh Xuân Đ, bà Đặng Thị C, Nhân dân xóm Khau Gạm, giữ nguyên yêu cầu buộc 09 hộ dân gồm các hộ ông L, ông H, ông Qu, ông Q, ông H, ông L1 và các hộ bà S, bà G, bà D là những hộ đang trực tiếp sử dụng khu đất số 03 thuộc thửa đất số 350, diện tích 4.646m^2 phải trả lại đất cho nguyên đơn.

Các bị đơn:

- Ông Lê Bá L trình bày: Ông Bế Kim T sinh năm 1947, đến năm 1960 vào HTX nông nghiệp mới được 13 tuổi nên ông T không phải là chủ sở hữu khu đất Háng Quang.

Ông Bế Xuân A mồ côi mẹ từ lúc 03 tuổi, có bố là cụ C đi bộ đội lấy vợ ở Tuyên Quang không về quê, ông Xuân A được cố B, cố K nuôi dưỡng lớn lên, cùng cố B canh tác khu đất Háng Quang cho đến khi vào HTX nông nghiệp, cố Bảo kê khai hưởng % hoa lợi, không có ai tranh chấp, cụ B, cụ Kiều chết trong thời kỳ HTX.

Năm 1990, HTX giải thể, ông Xuân A nhận lại khu ruộng Háng Quang, được UBND xã Đức Long xác lập quyền sở hữu vào ngày 15, 16/5/1993, được hưởng đền bù hoa màu từ XNVLXD Hòa An không có ai tranh chấp. Do nhu cầu cần nhà ở và cần chuyển đổi sản xuất, ông Xuân A đã thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Lương, được UBND xã Đức Long nhất trí chấp nhận. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông L đã san lấp cải tạo lại thửa đất (kể cả phần đất bỏ hoang) thành mặt bằng, không có ai tranh chấp. Tranh chấp đất đai giữa ông T với ông Xuân A đã được giải quyết bằng các Quyết định, bản án hành chính có hiệu lực pháp luật. Ông L không liên quan gì đến ông T, không mượn đất, không thuê đất, không mua bán chuyển nhượng đất với ông Trung, không phải là thừa kế của ông Xuân A nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Ma Kiên H - đại diện nhân dân xóm Khau Gạm trình bày: Nguồn gốc con đường dân sinh từ khi ông sinh ra và lớn lên đã thấy con đường này và được biết qua các cụ cao tuổi kể lại. Từ năm 1958 thành lập HTX nông nghiệp đến năm 1960 thành lập tổ đội công, năm 1962 thành lập làng, bản và con đường được mở rộng để máy cày, máy kéo chở các loại vật liệu vào kho cho tập thể cả xóm. Khi đó là đường đất, đến năm 2013, thực hiện phong trào nông thôn mới, các hộ gia đình cùng nhau làm đường bê tông.

- Ông Dương Trọng L trình bày: Ông nhận chuyển nhượng đất của ông L, không tranh chấp với ông Trung nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án không triệu tập ông để hòa giải hay xét xử vụ án vì ông không liên quan.

- Ông Hoàng Văn H trình bày: Ông Trần Văn L nhận chuyển nhượng đất của ông L, sau đó ông L chuyển nhượng lại cho ông có xác nhận của UBND xã Đức Long. Hiện nay chưa được cấp GCNQSD đất, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Triệu Văn Q trình bày: Ông Nguyễn Mạnh T nhận chuyển nhượng đất của ông L, sau đó ông T chuyển nhượng lại cho ông, hiện nay chưa được cấp GCNQSD đất. Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bà Nguyễn Thị Ch (vợ ông Hoàng Quang H) trình bày: Bà nhận chuyển nhượng đất của ông L có chứng thực của UBND xã Đức Long, hiện nay chưa được cấp GCNQSD đất. Bà không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn.

- Bà Lê Thị S trình bày: Chồng bà nhận chuyển nhượng đất của ông L, hiện nay chưa được cấp GCNQSD đất. Bà không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn.

- Ông Lê Bá Q trình bày: Ông nhận chuyển nhượng đất của ông L có chứng thực của UBND xã Đức Long, hiện nay chưa được cấp GCNQSD đất. Bà không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn.

- Bà Đặng Thị C trình bày: Nguồn gốc đất là thừa kế từ cụ Đặng Văn K (là bố của bà) để lại, đã được cấp GCNQSD đất từ năm 2000. Năm 2011 tách sổ chia cho các con có số thửa 351, tờ bản đồ 76, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Trịnh Xuân Đ trình bày: Ông nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Văn K, đã được cấp GCNQSD đất năm 2000. Giáp ranh giữa đất nhà ông với khu đất Háng Quang là dãy tre và cây gạo, sau này chia đất cho con thì con ông mới phá bờ tre đi để xây nhà hết đất nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Triệu Thị Kh cùng các con Triệu Văn T, Triệu Tiến A, Triệu Văn N (là vợ thứ hai và các con cụ Bế Văn C);

- Bà Đinh Thị T, ông Bế Văn T, bà Bế Thị Th;

- Ông Bế Văn H, ông Bế Văn K (là con cụ Bế Văn Th);

- Cụ Bế Thị V;

- Bà Triệu Thị Ph, ông Triệu Quốc V, bà Nông Thị Ư, ông Triệu Quốc Th, ông Triệu Thế V, ông Triệu Văn N, bà Lương Thị N, ông Triệu Văn Ch, bà Triệu Thị B (là các con cháu cụ Bế Thị Nh);

- Bà Nguyễn Thị Th, ông Lâm Văn Ng, ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C (là con cụ Bế Thị L);

- Bà Đàm Thị D, bà Đàm Thị L, bà Đàm Thị H, bà Đàm Thị Th, bà Đàm Thị T (là con cụ Bế Thị Nh);

Cùng trình bày: Phần đất đang tranh chấp giữa ông T với ông L tại khu đất Háng Quang là tài sản do cố B, cố K chia cho cụ M (là bố của ông T) từ trước khi đưa đất vào HTX. Nay vợ chồng cụ M, cụ Đ đã chết nên đất thuộc về ông T, đề nghị Tòa án giải quyết khu đất Háng Quang cho ông T.

- Ông Bế Văn Đ trình bày: Ông được bố là ông Bế Xuân A ủy quyền tham gia tố tụng. Từ năm 1993, bố ông chuyển nhượng cho ông L khu đất Háng Quang, không có hợp đồng, không có tiền, chỉ trả bằng hiện vật được nhận tại nhà ông L là 10 cột, 08 xà và 12 viên đá tảng. Việc ông Xuân A chuyển nhượng đất cho ông L, ông không biết. Nay ông T khởi kiện đòi lại khu đất Háng Quang, ông nhất trí với yêu cầu của ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 21/4/2022, Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng quyết định:

Hủy Giấy xác nhận ngày 24/9/1993 của Chủ tịch UBND xã Đức Long;

Chấp nhận một phần yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bế Kim T, cụ thể:

Chấp nhận yêu cầu đòi lại 3.328m^2 đất thuộc thửa 350, tờ bản đồ số 76 địa chỉ tại Khau Gạm, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng (có tuyên tứ cận) hiện đang bị các ông bà bị đơn nhận chuyển nhượng trái pháp luật cho ông Bế Kim T. Trong đó, hộ bà Hoàng Thị D có trách nhiệm trả lại 444,4m^2 trị giá 781.255.000đ. Hộ ông Lê Bá Q có trách nhiệm trả lại 201,2m^2 trị giá 353.709.600đ. Hộ ông Hoàng Quang H có trách nhiệm trả lại 198,6m^2 trị giá 349.138.800đ. Hộ ông Dương Trọng L có trách nhiệm trả lại 241,6m^2 đất. Hộ bà Lê Thị S có trách nhiệm trả lại 347,7m^2. Hộ ông Lê Bá L có trách nhiệm trả lại 906,6m^2. Hộ ông Triệu Văn Q có trách nhiệm trả lại 252,7m^2. Hộ ông Hoàng Văn H có trách nhiệm trả lại 283,6m^2. Hộ bà Hà Thị V có trách nhiệm trả lại 251,3m^2.

Buộc ông Lê Bá L phải trả cho ông Bế Kim T số tiền đền bù giải phóng mặt bằng ngày 17/11/1999 là 3.800.000đ x 10 lần (giá trị trượt giá theo thị trường) = 38.000.000đ.

Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc được quyền sử dụng phần đất hố Sum Lâu có diện tích 595,6m^2 thuộc thửa đất số 350, tờ bản đồ số 76 vì đây là đất do Trường cấp 3 và Xí nghiệp tôn tạo nên thuộc đất công và sẽ thuộc UBND huyện Hòa An quản lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ các yêu cầu: Yêu cầu UBND huyện Hòa An thu hồi GCNQSD đất thửa đất số 351, diện tích 416m^2 đối với Hộ bà Đặng Thị C và yêu cầu đòi Hộ bà C trả 26.700.000đ tiền đền bù giải phóng mặt bằng ngày 17/11/1999; Yêu cầu UBND huyện Hòa An thu hồi GCNQSD đất thửa đất số 350a, diện tích 400m^2 đối với Hộ ông Trịnh Xuân Đ và yêu cầu đòi Hộ ông Đ 11.000.000đ tiền đền bù giải phóng mặt bằng ngày 17/11/1999; Yêu cầu lấy lại con đường dân sinh thuộc khu đất số 02 - vị trí con đường (bờ ruộng), diện tích 300m^2 đối với nhân dân xóm Khau Gạm.

UBND huyện Hòa An có trách nhiệm quản lý, giải quyết phần đất hố Sum Lâu có diện tích 595,6m^2 thuộc thửa đất số 350, tờ bản đồ số 76 (trong đó phần bà D đang quản lý 330,3m^2, phần ông H đang quản lý 169,5m^2, phần ông L đang quản lý 95,8m^2) có tuyên tứ cận.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông T, bị đơn ông L, ông L, bà S, bà D, ông Q, bà V, ông H, ông Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B, bà Ch, bà Th có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2022/DS-PT ngày 14/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh cao Bằng quyết định:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Bế Kim T; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Hủy giấy xác nhận ngày 24/9/1993 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đức Long.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bế Kim T cụ thể:

Chấp nhận yêu cầu đòi lại 3925,8m^2 đất (Bao gồm phần diện tích hố Sum Lâu là 395,6m^2 và diện tích đường Hồ Chí Minh 175,5m^2) thuộc thửa 350, tờ Bản đồ 76, có địa chỉ tại Khau Gạm, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận phía Đông giáp đường Hồ Chí Minh, phía Tây giáp đất ông Lê Bá Q, phía Nam giáp đất ông Trịnh Xuân Đ, phía Bắc giáp đường dân sinh hiện đang bị các ông bà bị đơn nhận chuyển nhượng trái pháp luật quản lý cho ông Bế Kim T, sinh năm 1947, địa chỉ: Số nhà 72, khu 7, thị trấn Na Dương, Lộc Bình, Lạng Sơn. Trong đó Hộ bà Hoàng Thị D có trách nhiệm trả lại 444.4m^2, trị giá thành tiền là 444.4 x 1.758.000đ/m^2 = 781.255.000đ. Hộ ông Lê Bá Q có trách nhiệm trả lại 201,2m^2 đất, trị giá thành tiền là 201,2m^2 x 1.758.000đ/m^2 = 353.709.600đ. Hộ ông Hoàng Quang H có trách nhiệm trả lại 198,6m^2 đất, trị giá thành tiền là 198,6m^2 x 1.758.000đ/m^2 = 349.138.800đ. Hộ ông Dương Trọng L có trách nhiệm trả lại 241,6m^2 đất. Hộ bà Lê Thị S có trách nhiệm trả lại 374,7m^2 đất. Hộ ông Lê Bá L có trách nhiệm trả lại 906,6m^2 đất. Hộ ông Triệu Văn Q có trách nhiệm trả lại 252,7m^2 đất. Hộ ông Hoàng Văn H có trách nhiệm trả lại 283,6m^2 đất. Hộ bà Hà Thị V có trách nhiệm trả lại 251,3m^2 đất.

Chấp nhận yêu cầu buộc Hộ ông Lê Bá L trả lại số tiền đền bù giải phóng mặt bằng ngày 17/11/1999 là 3.800.000đ x 10 lần (giá trị trượt giá theo thị trường) = 38.000.000đ cho ông Bế Kim T, sinh năm 1947, địa chỉ: Số nhà 72, khu 7, thị trấn Na Dương, Lộc Bình, Lạng Sơn.

Ông Bế Kim T được quyền quản lý, sử dụng phần đất hố Sum Lâu có diện tích 595.6m^2 (nằm trong diện tích 3750.3m^2) thuộc thửa đất số 350, tờ bản đồ số 76, có địa chỉ tại Khau Gạm, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Đình chỉ các yêu cầu: Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Hòa An thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 351, diện tích 416m^2 đối với Hộ bà Đặng Thị C và 03 người con trai là T, Đ, T và yêu cầu đòi Hộ bà Đặng Thị C trả 26.700.000đ, số tiền đền bù giải phóng mặt bằng ngày 17/11/1999; Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Hòa An thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 350a, diện tích 400m^2 đối với Hộ ông Trịnh Xuân Đ và yêu cầu đòi Hộ ông Trịnh Xuân Đ 11.000.000đ, số tiền đền bù giải phóng mặt bằng ngày 17/11/1999; Yêu cầu lấy lại con đường dân sinh thuộc khu đất số 02 - Vị trí con đường (Bờ ruộng), diện tích 300m^2 đối với nhân dân xóm Khau Gạm.

Ngoài ra Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Trong các ngày 06/3/2023, ngày 19/4/2023, ngày 16/5/2023, ngày 26/5/2023, ngày 06, 07/4/2023, ông L, bà Ch, ông Q, ông L, ông H, ông Q, bà D có đơn đề nghị xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 17/2023/KN-DS ngày 12/9/2023, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2022/DS-PT ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng giải quyết sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cố Bế B (tức Bế Văn B, chết năm 1966) và cố Nông Thị K (chết năm 1976) sinh được 08 người con gồm: Cụ Bế Văn C (chết 1995) có vợ cả là cụ Nguyễn Thị R (chết 1946); cụ Bế Văn M (chết 1948), có vợ là cụ Hà Thị Đ (chết 2004); cụ Bế Văn Th; cụ Bế Văn V; cụ Bế Thị L; cụ Bế Thị Nh; cụ Bế Thị Nh và cụ Bế Thị V. Cụ C, cụ R có 01 con chung là ông Bế Xuân A (chết 2019); cụ M, cụ Đ có con là ông Bế Kim T.

[2] Các thửa đất 350, 350a, 351 hiện đang tranh chấp thuộc tờ bản đồ 76, khu Háng Quang, không có diện tích, theo sổ điền bạ năm 1958 là của cố B, cố K gồm 08 đám, 208 bó mạ tương đương 16m^2/1 bó mạ = 3.328m^2. Năm 1958, cố B kê khai 08 đám ruộng khu đất Háng Quang vào Hợp tác xã Minh Khai. Xã viên Hợp tác xã sản xuất cấy lúa đến năm 1965 thì Trường liên cấp 2-3 trưng dụng sử dụng làm nhà văn phòng, làm đường vào khu ký túc xá, làm sân vận động, sân bóng đá và làm khu vườn ươm, đến năm 1985 nhà trường di dời về địa điểm khác. Năm 1990, giải thể Hợp tác xã, một số hộ dân có đất tại khu vực Háng Quang đã nhận lại đất để canh tác trong đó có Hộ ông Xuân A. Năm 1991, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng giao đất cho Ban quản lý Xí nghiệp vật liệu xây dựng Hòa An theo Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 23/12/1986 để sản xuất kinh doanh.

[3] Năm 1993, Xí nghiệp vật liệu xây dựng Hòa An giải thể theo Quyết định số 463/QĐ-UB ngày 24/5/1993. Sau đó, Ủy ban nhân dân xã Đức Long lập văn bản giao lại khu ruộng Háng Quang cho ông Lê Bá L do nhận chuyển nhượng từ ông Xuân A. Ông L quản lý, sử dụng từ năm 1993 đến năm 1998 phân lô, chia thửa bán cho các Hộ ông L, bà G, ông R (chồng bà Lê Thị S), ông L, ông T, ông B, ông Q làm đất ở.

[4] Ông T cho rằng, từ năm 1943-1944, gia đình cố B đông con nên thiếu gạo ăn đã đem khu ruộng Háng Quang đi cầm cố với cụ Nông Thị V để lấy thóc. Sau khi cụ Đ, cụ M (là bố, mẹ của ông T) chuộc lại thì khu ruộng Háng Quang được chia cho bố mẹ ông T nên thuộc quyền thừa kế của ông T. Tuy nhiên, ngoài văn bản xác nhận của anh em họ hàng trong dòng họ được lập từ năm 1994 thì ông T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cố B, cố K chia cho cụ M khu đất ruộng nêu trên. Thời điểm cố B góp đất vào Hợp tác xã năm 1958, Hộ gia đình cố B gồm có cố B, cố K, cụ Đ, ông T và ông Xuân A không có ý kiến phản đối của cụ Đ (được cho là người chuộc đất) về việc cố B góp đất vào Hợp tác xã.

Như vậy, thời điểm cố B kê khai 08 đám ruộng Háng Quang vào Hợp tác xã thì phần ruộng đất này sẽ không còn thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình cố B nữa. Các diện tích đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của Hợp tác xã theo các quy định chính sách chung thời kỳ này.

[5] Cố B chết năm 1966, cố K chết năm 1976. Năm 1965, ông T thoát ly đi làm công nhân ở mỏ than Na Dương, Lộc Bình, Lạng Sơn. Đến năm 1987, ông T đón cụ Đ về ở cùng, chỉ có ông Xuân A làm việc và sinh sống tại xã Đức Long, tỉnh Cao Bằng. Ngày 20/2/1990, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quyết định số 70/QĐ-UB về việc thành lập Xí nghiệp vật liệu xây dựng Hòa An. Năm 1991, Xí nghiệp chi trả tiền đền bù công khai phá cho các hộ dân có đất thuộc Xí nghiệp trong đó có Hộ ông Xuân A với số tiền 1.500.000đ. Ông T và các con cháu của cố B (trong đó có bà Nguyễn Thị L - con cụ Bế Thị L thời điểm đó là kế toán trưởng Xí nghiệp - người đại diện theo ủy quyền của ông T tham gia tố tụng trong vụ án sau này) đều không có ý kiến gì về việc chi trả tiền đền bù công khai phá của Xí nghiệp cho ông Xuân A. Năm 1993, ông Xuân A lập giấy chuyển nhượng đất

cho ông L. Qúa trình quản lý, sử dụng đất, ông L đã thực hiện việc đăng ký kê khai vào sổ địa chính và bản đồ địa chính năm 1997.

[6] Theo khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2003 quy định thì: Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, chính phủ cách mạng lâm thời Cộng Hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[7] Theo Điều 1 Nghị quyết 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội quy định thì: Nhà nước không xem xét lại chủ trương, chính sách và việc thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 1991. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất.

[8] Theo điểm b, c khoản 1 Điều 4 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ quy định thì: Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất và không xem xét giải quyết khiếu nại về việc đòi lại đất mà Nhà nước đã giao cho người khác sử dụng theo các chính sách ruộng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trong trường hợp đất đã hiến tặng cho Nhà nước, cho Hợp tác xã và tổ chức khác, cho hộ gia đình, cá nhân; Đất đã góp vào Hợp tác xã nông nghiệp theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã nông nghiệp bậc cao.

[9] Tại Báo cáo số 222/BC-C.I ngày 01/11/2012 của Cục I - Thanh tra Chính Phủ về kết quả rà soát vụ việc khiếu nại của ông T đã đề xuất phương án giải quyết: Thống nhất nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông T đòi quyền quản lý và sử dụng khu đất ruộng Háng Quang do trái với các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai.

[10] Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định: Giao dịch dân sự giữa ông Xuân A và ông L với các bị đơn khác đều vô hiệu để từ đó buộc ông L và các đồng bị đơn khác phải trả lại đất cho ông T; nếu việc xác định của Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm là đúng thì việc không giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Xuân A với ông L bị vô hiệu làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của các đương sự.

[11] Ngoài ra, nguyên đơn xác định đất ruộng khu Háng Quang thời điểm cố B, cố K khai hoang sử dụng sau đó đưa vào Hợp tác xã là 8 đám, 208 bó mạ tương đương diện tích 3.328m^2 hiện nay là thửa đất 350, tờ bản đồ 76 có diện tích 3.925,8m^2 bao gồm cả hố Sum Lâu có diện tích 595,6m^2 (theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện hố Sum Lâu do trường cấp 3 san lấp) hiện các hộ ông H, ông L, bà D đang quản lý. Ông T chưa sử dụng đất ngày nào, không có công tôn tạo, duy trì, phát triển đất nhưng Tòa án cấp phúc thẩm quyết định giao cho ông T được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích 3.925,8m^2 là không phù hợp. Vì vậy, cần hủy bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng giải quyết sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; Điều 342; khoản 3 Điều 343; Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 17/2013/KN-DS ngày12/9/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2022/DS-PT ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng về vụ án "Tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử dụng đất khu Háng Quang do bị mua bán, lấn chiếm trái pháp luật" giữa nguyên đơn là ông Bế Kim T với bị đơn là ông Lê Bá L, ông Dương Trọng L, ông Hoàng Quang H, bà Hoàng Thị D, ông Lê Bá Q, ông Triệu Văn Q, ông Hoàng Văn H, bà Đặng Thị C, ông Trịnh Xuân Đ, Nhân dân xóm Khau Gạm, bà Lê Thị S, bà Hà Thị V và 53 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng giải quyết sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng xét xử giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC tại Hà Nội (để báo cáo);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- TAND huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng (kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục THADS huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, P. HCTP, P. GĐKTII, HSVA, HSGĐT.

TM. UỶ BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Xuân